

Số: 1760 /QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày 04 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp**

**thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp**

**và Phát triển nông thôn tỉnh Hòa Bình**

---

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 06/8/2010 của Chính phủ về kiểm soát các thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 2762/QĐ-BNN-PCTT ngày 22/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 518/TTr-SNN ngày 29/7/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành (01 thủ tục) lĩnh vực Lâm nghiệp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hòa Bình.

**Điều 2.** Bãi bỏ 02 thủ tục hành chính cấp tỉnh lĩnh vực Lâm nghiệp công bố tại Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

*(Có phụ lục chi tiết kèm theo).*

Phụ lục Danh mục và nội dung cụ thể của thủ tục hành chính tại Quyết định này được công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ ([csdl.dichvucong.gov.vn](http://csdl.dichvucong.gov.vn)); Cổng Dịch vụ công tỉnh ([dichvucong.hoabinh.gov.vn](http://dichvucong.hoabinh.gov.vn)); Trang Thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (địa chỉ: <http://vpubnd.hoabinh.gov.vn>).

**Điều 3.** Thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này được thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh.

- Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

+ Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan liên quan, căn cứ thủ tục hành chính tại Quyết định này rà soát, xây dựng quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của cấp tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt. Thời gian trước ngày 15/8/2020.

+ Chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và cơ quan có liên quan đăng tải đầy đủ nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Trang Thông tin điện tử của Sở, ngành liên quan và niêm yết, công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Bùi Văn Khánh**

**Phụ lục**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT**  
**CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH HÒA BÌNH**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1760 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính thay thế**

TT	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích		Căn cứ pháp lý
						Tiếp nhận	Trả kết quả	
1		Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Thẩm quyền của Quốc hội:</b></li> <li>+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 05 ngày làm việc.</li> <li>+ Ủy ban nhân dân tỉnh: 25 ngày làm việc.</li> <li>+ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 25 ngày làm việc.</li> <li>+ Thủ tướng Chính phủ: Theo quy chế làm việc của Chính phủ.</li> <li>+ Quốc hội: Theo quy chế</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	x	x	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 83/2020 ngày 15/7/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018 ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;</li> <li>- Quyết định số: 2762/QĐ-BNN-PCTT ngày 22/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông</li> </ul>

		<p>làm việc của Quốc hội.</p> <p><b>- Thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ:</b></p> <p>+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 05 ngày làm việc.</p> <p>+ Ủy ban nhân dân tỉnh: 25 ngày làm việc.</p> <p>+ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 25 ngày làm việc.</p> <p>+ Thủ tướng Chính phủ: Theo quy chế làm việc của Chính phủ.</p> <p><b>- Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh:</b></p> <p>+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 05 ngày làm việc.</p> <p>+ Ủy ban nhân dân tỉnh: 40 ngày làm việc.</p> <p>+ Hội đồng nhân dân tỉnh: Theo quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>					<p>ng nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>
--	--	---	--	--	--	--	--

## 2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC hoặc lý do bãi bỏ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
<b>A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>					
1	BNN-HBI-288439	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ đối với khu rừng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý	<p>- Nghị định số 83/2020 ngày 15/7/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018 ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;</p> <p>- Quyết định số: 2762/QĐ-BNN-PCTT ngày 22/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	BNN-HBI-288440	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh	<p>- Nghị định số 83/2020 ngày 15/7/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018 ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;</p>	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

			<p>- Quyết định số: 2762/QĐ-BNN-PCTT ngày 22/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>		
--	--	--	--	--	--

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

**Phần II.**  
**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

---

**1. Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác**

**1.1 Trình tự thực hiện**

**a) Thẩm quyền của Quốc hội**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, số 485 đường Trần Hưng Đạo, phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và viết phiếu hẹn trả kết quả:

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Bước 3: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm định nội dung trình phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng. Trường hợp kết quả thẩm định không đủ điều kiện, Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh gửi hồ sơ đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



- Bước 4: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành có liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ; tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

Trường hợp kết quả thẩm định không đủ điều kiện báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Quốc hội xem xét quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức hội đồng thẩm định hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân tỉnh và nêu rõ lý do.

- Bước 5: Thủ tướng Chính phủ trình Quốc hội xem xét quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: Thực hiện theo quy chế làm việc của Chính phủ.

- Bước 6: Quốc hội quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: Thực hiện theo quy chế làm việc của Quốc hội.

- Bước 7: Sau khi Quốc hội quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; kết quả được gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận và trả kết quả theo phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân.

### **b) Thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ Hành chính

công tỉnh, số 485 đường Trần Hưng Đạo, phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và viết phiếu hẹn trả kết quả:

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Bước 3: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm định nội dung trình phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng. Trường hợp kết quả thẩm định không đủ điều kiện, Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh gửi hồ sơ đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Bước 4: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành có liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ; tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

Trường hợp kết quả thẩm định không đủ điều kiện trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng, trong thời

hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thẩm định hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Bước 5: Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: Thực hiện theo quy chế làm việc của Chính phủ.

- Bước 6: Sau khi Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, kết quả được gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận và trả kết quả theo phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân.

### **c) Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, số 485 đường Trần Hưng Đạo, phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và viết phiếu hẹn trả kết quả:

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm định nội dung trình phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng. Trường hợp kết quả thẩm định không đủ điều kiện, Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

- Bước 4: Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: Thực hiện theo quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Bước 5: Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, kết quả được gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận và trả kết quả theo phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân.

**1.2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

### **1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

*a. Thành phần hồ sơ:*

**\* Đối với hồ sơ tổ chức, cá nhân nộp đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gồm:**

- Văn bản đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng của tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng;

- Báo cáo đề xuất dự án đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi kèm theo văn bản thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư: Chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Đầu tư; chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Quyết định đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Đầu tư công; Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp còn hiệu lực thực hiện);

- Tài liệu về đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đầu tư, đầu tư công;

- Báo cáo thuyết minh, bản đồ hiện trạng rừng (tỷ lệ bản đồ 1/2.000 đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng dưới 500 ha, tỷ lệ 1/5.000 đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng từ 500 ha trở lên), kết quả điều tra rừng khu vực đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng (diện tích rừng, trữ lượng rừng).

***\* Đối với hồ sơ Ủy ban nhân dân tỉnh gửi đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gồm:***

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Báo cáo thẩm định của Ủy ban nhân dân tỉnh về nội dung trình phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng;
- Văn bản đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng của tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng;
- Báo cáo đề xuất dự án đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi kèm theo văn bản thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư: Chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Đầu tư; chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Quyết định đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Đầu tư công; Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp còn hiệu lực thực hiện);
- Tài liệu về đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đầu tư, đầu tư công;
- Báo cáo thuyết minh, bản đồ hiện trạng rừng (tỷ lệ bản đồ 1/2.000 đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng dưới 500 ha, tỷ lệ 1/5.000

đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng từ 500 ha trở lên), kết quả điều tra rừng khu vực đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng (diện tích rừng, trữ lượng rừng).

**\* Đối với hồ sơ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Thủ tướng Chính phủ, gồm:**

- Văn bản đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Văn bản thẩm định (biên bản họp Hội đồng thẩm định hoặc báo cáo tổng hợp ý kiến thẩm định của các bộ, ngành, địa phương liên quan);
- Dự thảo Báo cáo của Chính phủ trình Quốc hội (đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng của Quốc hội);
- Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Báo cáo thẩm định của Ủy ban nhân dân tỉnh về nội dung trình phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng;
- Văn bản đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng của tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng;
- Báo cáo đề xuất dự án đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi kèm theo văn bản thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư: Chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Đầu tư; chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Quyết định đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Đầu tư công; Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp còn hiệu lực thực hiện);

- Tài liệu về đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đầu tư, đầu tư công;

- Báo cáo thuyết minh, bản đồ hiện trạng rừng (tỷ lệ bản đồ 1/2.000 đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng dưới 500 ha, tỷ lệ 1/5.000 đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng từ 500 ha trở lên), kết quả điều tra rừng khu vực đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng (diện tích rừng, trữ lượng rừng);

- Văn bản của các bộ, ngành, địa phương liên quan (nếu có).

**\* Đối với hồ sơ Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh, gồm:**

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Báo cáo thẩm định của Ủy ban nhân dân tỉnh về nội dung trình phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng;

- Văn bản đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng của tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng;

- Báo cáo đề xuất dự án đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi kèm theo văn bản thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư: Chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Đầu tư; chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Quyết định đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Đầu tư công; Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp còn hiệu lực thực hiện);

- Tài liệu về đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đầu tư, đầu tư công;

- Báo cáo thuyết minh, bản đồ hiện trạng rừng (tỷ lệ bản đồ 1/2.000 đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng dưới 500 ha, tỷ lệ 1/5.000 đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng từ 500 ha trở lên), kết quả điều tra rừng khu vực đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng (diện tích rừng, trữ lượng rừng).

*b. Số lượng hồ sơ:*

- Tổ chức, cá nhân nộp đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 01 bộ.

- Ủy ban nhân dân tỉnh gửi đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 01 bộ.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Thủ tướng Chính phủ: 01 bộ.

- Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh: 01 bộ.

**1.4. Thời hạn giải quyết:**

***- Thẩm quyền của Quốc hội***

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 05 ngày làm việc.

+ Ủy ban nhân dân tỉnh: 25 ngày làm việc.

+ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 25 ngày làm việc.

+ Thủ tướng Chính phủ: Theo quy chế làm việc của Chính phủ.

+ Quốc hội: Theo quy chế làm việc của Quốc hội.

***- Thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ***

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 05 ngày làm việc.



+ Ủy ban nhân dân tỉnh: 25 ngày làm việc.

+ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 25 ngày làm việc.

+ Thủ tướng Chính phủ: Theo quy chế làm việc của Chính phủ.

**- *Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh***

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 05 ngày làm việc.

+ Ủy ban nhân dân tỉnh: 40 ngày làm việc.

+ Hội đồng nhân dân tỉnh: Theo quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân tỉnh.

**1.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**1.6. Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**1.7. Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh.

**1.8. Phí, lệ phí:** Không

**1.9. Tên mẫu đơn, tờ khai:** Không

**1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không

### **1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC**

- Nghị định số 83/2020 ngày 15/7/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018 ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

- Quyết định số: 2762/QĐ-BNN-PCTT ngày 22/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.